

Bản án số: 75/2024/DS-ST

Ngày: 31-7-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bài
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2024/QĐST-DS ngày 15/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lý Thị H: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trương Sỡn H1, sinh năm 1971 (Có mặt);

Ông Nguyễn Thành P (Vắng mặt lần thứ 2);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày và yêu cầu:

Bà có cho vợ chồng bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P vay tổng số tiền 290.000.000 đồng cụ thể như sau: Ngày 03/01/2023 cho vay số tiền 50.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng, bà H1 có đóng lãi 03 lần với số tiền 7.500.000 đồng, sau đó không đóng lãi và cũng không hoàn trả gốc; Ngày 24/6/2023 cho vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng nhưng bà H1 không đóng lãi và cũng không hoàn trả gốc; Ngày 06/7/2023 cho vay số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng, nhưng bà H1 không đóng lãi và cũng không hoàn trả gốc, cả 03 lần cho vay bà H1 đều ký biên nhận nợ. Bà có nhiều lần yêu cầu bà H1, ông P hoàn trả tiền vay tổng cộng bằng 290.000.000 đồng và yêu cầu đóng lãi nhưng bà H1 ông P cứ hẹn nhiều lần khi sang bán đất được thì sẽ trả nhưng cho đến khi bà H1 bán đất xong vẫn không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P phải hoàn trả số tiền vay gốc tổng cộng bằng 290.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Trương Sơn H1 trình bày: Vào khoảng năm 2020 bà làm đầu thảo hụi, do vỡ hụi và bị các hụi viên giựt hụi dẫn đến lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên bà có vay số tiền 100.000.000 đồng của bà H để trang trải cuộc sống gia đình và trả nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất bạc 30 (01 ngày bà đóng lãi 1.000.000 đồng) cho bà H cho đến tháng 6/2023 bà đi Phú Quốc làm thuê thì ngưng đóng lãi, hai bên có lập biên nhận vay nhưng thời gian đã lâu bà không nhớ, và mỗi lần đóng lãi kéo dài khoảng 1 đến 2 tháng thì bà H sẽ cho bà ký giấy biên nhận khác nên bà không nhớ đã đóng lãi được số tiền bao nhiêu.

Bà thừa nhận các biên nhận ngày 03/01/2023, 24/6/2023, 06/7/2023 bà H cung cấp là chữ ký của bà nhưng thực tế bà chỉ vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng chứ không phải số tiền 290.000.000 đồng. Đối với số tiền 50.000.000 đồng trong biên nhận ngày 03/01/2023 thì bà không vay của bà H mà vay của bà Nguyễn Thị Y và bà đã trả xong cho bà Y. Số tiền 150.000.000 đồng ngày 24/6/2023 thực tế chỉ có 100.000.000 đồng là tiền vay gốc phần còn lại là tiền lãi bà H tự kê lên và ghi trong biên nhận là vay 150.000.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng ngày 6/7/2023 bà không nhận mà chỉ nhận từ bà H khoảng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, phần còn lại là tiền lãi do bà H tự kê lên là 90.000.000 đồng. Lý do bà không vay tiền mà đồng ý ký tên vào các biên nhận này là do bà H nhiều lần uy hiếp bà, đòi tự vẫn trong nhà của bà nên buộc bà phải ký tên nhận nợ nhưng thực tế bà chỉ nhận từ bà H số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vay 100.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên xin bỏ lãi. Ông Nguyễn Thành P là chồng của bà sống chung một nhà nhưng không hay biết việc bà vay tiền của bà H, và do số tiền 100.000.000 đồng bà vay là để trả tiền nợ hụi trước đó

không liên quan đến ông P nên bà không đồng ý việc bà H khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ vay.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:* Việc bà Trương Sơn H1 vay mượn tiền của bà H ông không hay biết cho đến khi bà H đến nhà yêu cầu ông trả tiền vay nên ông không đồng trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, do bị đơn đã trả số tiền lãi bằng 7.500.000 đồng trước đó nguyên đơn đồng ý căn trừ số tiền này vào số tiền vay gốc chưa trả nên yêu cầu bị đơn phải trả tiếp số tiền vay còn lại là 282.500.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi. Đối với bị đơn bà H1 thừa nhận có vay tiền ký tên trong 03 biên nhận mà bà H cung cấp với số tiền 290.000.000 đồng nhưng thực tế bà chỉ nhận được từ bà H số tiền 100.000.000 đồng nên bà đồng ý cùng ông Nguyễn Thành P trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà H, đối với số tiền còn lại bà xin bà H bỏ và xin bỏ phần lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới tại phiên tòa, bà H1 không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong các biên nhận, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà H1 phải trả số tiền vay 282.500.000 đồng, do bà H đồng ý căn trừ số tiền bà H1 có đóng lãi 7.500.000 đồng vào số tiền vay gốc 290.000.000 đồng và xin rút yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối với ông Nguyễn Thành P không đồng ý liên đới trả tiền cùng bà H1 vì cho rằng không biết bà H1 vay tiền của bà H, ông và bà H1 là vợ chồng chung sống một nhà, bà H1 vay tiền của bà H từ tháng 01/2023 theo bà H1 khai là để chi trả tiền nợ hụi trước đó bà tổ chức làm đầu thảo nhưng do bị các hụi viên giựt hụi và dùng xoay sở trả tiền vay của những người khác, việc bà H1 tổ chức chơi hụi là nhằm để có tiền hoa hồng phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông P phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H1 hoàn trả tiền vay cho bà H. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Thị H yêu cầu bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P phải trả tiền vay theo biên nhận. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã đưa nguyên đơn, bị đơn vào tham gia tố tụng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Được Kiểm sát viên giám sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa nhận định thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà Lý Thị H và Trương Sơn H1 có mặt, đối với bị đơn ông Nguyễn Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, đối với người làm chứng là chị Nguyễn Thị Thuỳ L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng kể từ ngày vay số tiền 290.000.000 đồng cho đến nay bà H1 không hoàn trả tiền vay gốc, mặc dù 03 biên nhận có thỏa thuận lãi 5%/tháng nhưng bà H1 chỉ có đóng lãi của số tiền vay lần đầu 50.000.000 đồng được 7.500.000 đồng, đối với 02 lần vay sau thì không đóng lãi. Qua trình bày của bà H1 cho rằng hoàn cảnh khó khăn nên bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý trừ số tiền 7.500.000 đồng vào số tiền vay gốc 290.000.000 đồng nên yêu cầu phải trả tiếp số tiền còn lại 282.500.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Xét yêu cầu khởi kiện còn lại đối với số tiền 282.500.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận; Bởi lẽ: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P về yêu cầu khởi kiện của bà H cũng như sao chụp các tài liệu chứng cứ là 03 biên nhận nhận tiền do bà H cung cấp để ông bà có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H1 không có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà và Nguyễn Thị Thuỳ L trong các biên nhận nợ mà thừa nhận các biên nhận ngày 03/01/2023, 24/6/2023, 06/7/2023 bà H cung cấp là của bà trực tiếp ký tên nhưng thực tế bà chỉ nhận của bà H số tiền 100.000.000 đồng chứ không phải 290.000.000 đồng, phần còn lại là tiền lãi do bà H tự kê lên và buộc bà phải ký tên 03 biên nhận vay tiền. Lý do bà không vay mà đồng ý ký tên vào các

biên nhận này là do bà H nhiều lần uy hiếp bà, đòi tự vẫn trong nhà của bà nên buộc bà phải ký tên nhận nợ. Xét thấy lời nạy ra của bà H1 là không có căn cứ vì qua thẩm vấn công khai tại phiên toà, bà H1 nhận thức được việc bà ký tên nhận nợ sẽ làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ, tại biên bản lấy đối chất (bút lục số 31-34) bà H1 thừa nhận do cần tiền trả nợ hụi nên có vay tiền của bà H, thừa nhận biên nhận vay tiền 50.000.000 đồng ngày 03/01/2023 do chồng của bà H là ông Nguyễn Thanh Hoà viết có con gái bà H1 là Nguyễn Thị Thuỳ Linh làm chứng; biên nhận vay 150.000.000 đồng ngày 24/6/2023 do con gái bà H1 là Nguyễn Thị Thuỳ L viết ký tên làm chứng; biên nhận vay 90.000.000 đồng ngày 06/7/2023 do chính tay bà H1 viết. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà H1 cho rằng không vay của bà H mà vay của bà Y nên không đồng ý trả tiền cho bà H. Lời trình bày của bà H1 không được bà H thừa nhận, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay bà H cho rằng do bà H1 không có quen biết bà Y nên đã nhờ bà đi vay số tiền 50.000.000 đồng, do sau khi vay bà H1 đã bỏ đi nên bà đứng ra trả số tiền vay và có đóng lãi hàng tháng cho bà Y nên bà yêu cầu bà H1 phải trả tiền vay cho bà, còn số tiền 150.000.000 đồng và 90.000.000 đồng sau này là tiền của bà cho bà H1 vay chứ không vay mượn dùm của ai, bà không ép buộc bà H1 vay tiền mà do bà H1 lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên nhiều lần vay tiền của bà, từ ngày vay cho đến khi khởi kiện bà H1 có đóng lãi 03 tháng với số tiền 7.500.000 đồng sau đó ngưng đóng lãi. Ngày 21/6/2024 Toà án nhân dân huyện T ra Quyết định yêu cầu bà Hoa, ông P cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh là biên nhận trả tiền vay hoặc băng ghi âm, ghi hình,...chứng minh bà H1 có đóng lãi cho bà H và bà H có thu tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (cho vay nặng lãi) hoặc có hành vi trái quy định của pháp luật ép buộc, cưỡng ép, đe dọa bà ký tên nhận nợ như bà H1 trình bày, hoặc bảng sao kê các lần chuyển khoản đóng lãi của ông bà chứng minh rằng ông bà có đóng lãi cho bà H từ năm 2020 cho đến tháng 6/2023, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng tiền lãi cho bà H trên số tiền 100.000.000 đồng tiền vay gốc trước đó, cung cấp nhân chứng chứng kiến bà H cho vay nặng lãi nhưng bà H1 và ông P không cung cấp được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận trình bày của bà H1 về việc bà H thu tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật và ép buộc bà phải ký tên thừa nhận nợ.

[4] Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành P mặc dù cho rằng việc bà H1 vay tiền của bà H ông không biết nên không đồng ý trả nợ vay. Nhưng quá trình giải quyết vụ án bà H1 là vợ của ông P thừa nhận mục đích vay tiền của bà H là để chi trả tiền nợ hụi trước đó bà tổ chức đầu thảo do bị các hụi viên giựt hụi và dùng xoay sở trả tiền vay của những người khác. Bà H1 và ông P là vợ chồng chung sống một nhà, việc bà H1 tổ chức chơi hụi là nhằm để có điều kiện chăm lo cho cuộc sống gia đình nên khi vỡ hụi đã vay tiền của bà H để trả nợ cũng xuất phát từ mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà H1 và ông P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vay nêu trên.

[5] Từ căn cứ đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H, buộc bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P phải trả cho bà H số tiền vay 282.500.000 đồng.

[6] Do bà H xin rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về yêu cầu lãi.

[7] Xét thấy quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc bà Trương Sơn H1, ông Nguyễn Thành P phải chịu án phí theo quy định, bà Lý Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H.

2. Buộc bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Thị H số tiền vay 282.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H do bà H xin rút lại yêu cầu tính lãi.

4. Về án phí: Buộc bà Trương Sơn H1 và ông Nguyễn Thành P phải chịu số tiền 14.125.000 đồng.

Bà Lý Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí 7.358.750 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0017193 ngày 10/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú theo quy định để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

